

Số: 61 /2000/QĐ-NHNN9

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy chế cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước

- * -

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

PHÁP CHẾ

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức số 01/1998/PL-UBTVQH10 ngày 26/02/1998;
- Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 23/6/1994;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau đây:

- Quyết định số 59/QĐ-NH9 ngày 19/3/1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về điều động công chức, viên chức biệt phái đến công tác tại các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.
- Quyết định số 276/QĐ-NH9 ngày 14/8/1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định đối với công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước được cử đi đào tạo.
- Quyết định số 362/QĐ-NH9 ngày 31/12/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế uỷ quyền quản lý công chức, viên chức Ngân hàng.
- Quyết định số 363/QĐ-NH9 ngày 31/12/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định về công tác quản lý và đào tạo công chức, viên chức trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các ngân hàng thương mại quốc doanh, Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt Nam, Giám đốc các Nhà máy, công ty trực thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC *Thủy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, TCCB.



Thủy
LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 61 /2000/QĐ-NHNN9
ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

VU PHÁP CHẾ

Mục 1 Đối tượng áp dụng

Điều 1. Đối tượng áp dụng quy chế này là cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước, những người được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc giao giữ một công vụ thường xuyên, được phân loại công chức A, B, C, D theo trình độ đào tạo, ngành chuyên môn, được xếp vào một ngạch hành chính, sự nghiệp trong biên chế và hưởng lương từ quỹ tiền lương của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Một số đối tượng được áp dụng từng phần của Quy chế này gồm:

- 1- Những người làm việc tại Ngân hàng Nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động (gọi tắt là viên chức).
- 2- Viên chức làm việc ở các doanh nghiệp Ngân hàng.

Điều 3. Công chức Ngân hàng Nhà nước được phân loại như sau:

1- Phân loại theo trình độ đào tạo:

- a) Công chức loại A là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn từ bậc đại học trở lên phù hợp với công việc đảm nhiệm;
- b) Công chức loại B là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc cao đẳng, trung học chuyên nghiệp phù hợp với công việc đảm nhiệm;
- c) Công chức loại C là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc sơ cấp;
- d) Công chức loại D là những công chức có trình độ đào tạo chuyên môn ở bậc dưới sơ cấp.

2- Phân loại theo vị trí công tác gồm có:

- a) Công chức lãnh đạo (quản lý, điều hành): Được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo;
- b) Công chức chuyên môn nghiệp vụ.

Nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước

Điều 4. Cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước có những nghĩa vụ sau đây:

1- Trung thành với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam; bảo vệ sự an toàn, danh dự và lợi ích quốc gia;

2- Giữ gìn và bảo vệ của công, bảo vệ bí mật Nhà nước; giữ bí mật hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước, của các tổ chức tín dụng và bí mật tiền gửi của khách hàng theo quy định của pháp luật;

3- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật;

4- Tôn trọng nhân dân và tận tụy phục vụ nhân dân;

5- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tham gia sinh hoạt với cộng đồng dân cư nơi cư trú, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân;

6- Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền và tham nhũng.

7- Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong công tác; thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của cơ quan, tổ chức;

8- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ; chủ động, sáng tạo, phối hợp trong công tác nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ, công vụ được giao;

9- Chấp hành sự điều động, phân công công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

10- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của mình; công chức giữ chức vụ lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của công chức thuộc quyền theo quy định của pháp luật;

11- Phải chấp hành quyết định của cấp trên; khi có căn cứ để cho là quyết định đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra quyết định; trong trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định nhưng phải báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người ra quyết định và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

Điều 5. Cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước có các quyền lợi sau đây:

1- Được nghỉ hàng năm theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Khoản 2, Khoản 3 Điều 76 và Điều 77, nghỉ các ngày lễ theo quy định tại Điều 73 và nghỉ việc riêng theo quy định tại Điều 78 của Bộ Luật lao động;

2- Trong trường hợp có lý do chính đáng được nghỉ không hưởng lương sau khi được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức;

3- Được hưởng các chế độ trợ cấp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, hưu trí và chế độ tử tuất theo quy định tại các Điều 107, 142, 143, 144, 145 và 146 của Bộ Luật lao động;

4- Được hưởng chế độ hưu trí, thôi việc theo quy định tại mục 5, chương IV Pháp lệnh cán bộ, công chức;

5- Cán bộ, công chức là nữ còn được hưởng các quyền lợi quy định tại khoản 2 các Điều 109, 111, 113, 114, 115, 116 và Điều 117 của Bộ Luật lao động;

6- Được hưởng tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, công vụ được giao theo chế độ chung do Nhà nước quy định đối với công chức và chế độ đặc thù về tiền lương, phúc lợi đối với Ngân hàng Nhà nước và chính sách về nhà ở, các chính sách khác và được đảm bảo các điều kiện làm việc.

Công chức làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo hoặc làm việc trong những nghề độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi do Chính phủ quy định;

7- Được tham gia hoạt động chính trị, xã hội theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ, được quyền nghiên cứu khoa học, sáng tác; được khen thưởng khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ được giao theo quy định của pháp luật.

8- Được tham gia ý kiến, giám sát, kiểm tra các mặt hoạt động của cơ quan theo quy định của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

9- Có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về việc làm của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà mình cho là trái pháp luật đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

10- Được pháp luật và nhân dân bảo vệ khi thi hành nhiệm vụ, công vụ;

11- Nếu hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ được xem xét để công nhận là liệt sỹ theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ thì được xem xét để áp dụng chính sách, chế độ tương tự như đối với thương binh;

12- Được hưởng các quyền lợi khác do pháp luật quy định.

Mục 3

Những việc cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước không được làm

Điều 6.

1- Cán bộ, công chức không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để nhận hối lộ, sách nhiễu, mưu lợi cá nhân;